

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Bà Võ Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Bảo H, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: ấp LT A, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú: ấp LT A, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Bảo H trình bày: Anh và chị Nguyễn Kim C cưới nhau vào năm

2007, hôn nhân có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh được vài tháng thì về quê vợ ở, nhưng cũng tới lui nhà anh không phải ở bên luôn. Đến đầu năm 2015, vợ chồng đi thành phố làm. Đến đầu tháng 3 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã vợ chồng sống không hạnh phúc nữa và từ đó anh bỏ đi chỗ khác ở và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị có gặp nhau vài lần nhưng chỉ cãi nhau mà không hàn gắn được. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim C vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Thị Ý V, sinh ngày 08/4/2008 và Đào Thiện Đ, sinh ngày 22/6/2010 (hiện cháu V và Đ đang sống với chị Kim C), anh đồng ý cho chị Kim C tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V và Đ, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh và chị Kim C chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Kim C chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Kim C trình bày: Thừa nhận quá trình về sống chung với nhau và mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của anh Đào Bảo H, nguyên do anh H tự ý bỏ đi không quan tâm vợ con. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương chồng và không muốn con không có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Thị Ý V, sinh ngày 08/4/2008 và Đào Thiện Đ, sinh ngày 22/6/2010 (hiện cháu V và Đ đang sống với chị), chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V và Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị và anh H chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh H chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Đào Bảo H được ly hôn với chị Nguyễn Kim C; về con chung: giao cháu Đào Thị Ý V, sinh ngày 08/4/2008 và Đào Thiện Đ, sinh ngày 22/6/2010 cho chị Nguyễn Kim C được tiếp tục chăm

sóc, nuôi dưỡng, anh Đào Bảo H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đào Bảo H và chị Nguyễn Kim C là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị C chung sống với nhau được khoảng 13 năm, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2019 thì bắt đầu có sự mâu thuẫn nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến anh H đã bỏ đi nơi khác sinh sống, điều này cũng được chị C thừa nhận. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị có gặp nhau vài lần nhưng chỉ cãi nhau mà không hàn gắn được, chị C cũng thừa nhận có việc này. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng anh hải và chị C hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Đào Bảo H ly hôn với chị Nguyễn Kim C.

[3] Về việc nuôi con: Anh Đào Bảo H và chị Nguyễn Kim C đã thỏa thuận được với nhau là chị Nguyễn Kim C được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đào Thị Ý V, sinh ngày 08/4/2008, Đào Thiện Đ, sinh ngày 22/6/2010 (hiện cháu V và Đ đang sống với chị Kim C). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kim C không yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận này là phù hợp với pháp luật và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại

diện Viện kiểm sát, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị C.

[4] Về tài sản chung Do anh H và chị C trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Do anh H và chị C trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Bảo H, cho ly hôn giữa anh Đào Bảo H và chị Nguyễn Kim C.

2. Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đào Bảo H và chị Nguyễn Kim C:

2.1. Chị Nguyễn Kim C được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đào Thị Ý V, sinh ngày 08/4/2008 và Đào Thiện Đ, sinh ngày 22/6/2010.

2.2. Anh Đào Bảo H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Đào Bảo H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001227 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng